TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 12/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Doãn Gới

Bà Vương Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Trương Văn H**; sinh ngày 10/4/1995 tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Chu Thị Y; vợ: Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 đến ngày 23/6/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Bị hại:

1. Anh Trương Văn T, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Cao Văn T, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 13/6/2023 Trương Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, BKS 36B8-162.44 mang theo 04 túi lưới cước, kích thước mắt lưới (01x01)cm, đi từ nhà (ở thôn T, xã H) đến các cánh đồng nuôi trồng thủy sản để trộm cắp tôm cua bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi đến bãi đất trống ở bờ đê bắc sông Cung thuộc thôn P, xã H giáp với thôn B, xã H, H để xe mô tô ở bãi đất trống và đi bộ ra khu vực đồng nuôi trồng thuỷ sản của các hộ dân thuộc hai xã H và P, H ngồi quan sát xem các chủ đồng sơ hở mất cảnh giác sẽ tiến hành trộm cắp tài sản. Đến rạng sáng ngày 14/6/2023, thấy ở các lán trông đồng đã tắt điện nên H đi lại khu vực đồng nuôi tôm của anh Cao Văn T ở xã Ho, huyện H, thấy có bè để sát bờ đồng H lội xuống nước kiểm tra, nhấc lưới bát quái lên, bên trong có nhiều tôm sú, H đổ số tôm sú vào hai túi cước chuẩn bị từ trước, sau đó thả lưới bát quái lại vị trí ban đầu. Sau đó, H tiếp tục đi đến khu vực đồng nuôi cua của gia đình anh Trương Văn T, thấy có bè để sát bờ đồng nên H lội xuống đồng kiểm tra, thấy bên trong lưới có nhiều cua nước lợ, Hải đổ số cua nước lợ vào hai túi cước còn lại. Sau đó H mang tôm, cua trộm cắp được đi đến vị trí để xe mô tô, đang đi H gặp anh Nguyễn Bá Tở xã H, huyện H, sợ bị bắt nên H bỏ lại 04 túi cước chứa tôm, cua và bỏ chạy. Anh T thấy vậy, nghi ngờ là đối tượng trộm cắp nên đi kiểm tra xung quanh, phát hiện chiếc xe mô tô BKS 36B8-162.44 mà H bỏ lại nên đã mang tôm, cua cùng chiếc xe mô tô đến Công an xã H, huyện H trình báo. Nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh, cùng ngày Trương Văn H đã đến Công an xã Hg đầu thú, khai báo hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS, ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 10kg tôm sú (loại trung bình 40 con/kg) giá trị là 1.800.000 đồng; 10,9kg của nước lợ, cua thương phẩm (kích thước mai từ 3cm đến 7cm/con) giá trị là 3.924.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.724.000 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng). Sau khi định giá Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho bị hại và các bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 52/CT-VKSHH ngày 23/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trương Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội trộm cắp tài sản và áp dụng khoản 1

Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Rạng sáng ngày 14/6/2023 tại khu vực đồng nuôi trồng thuỷ sản của các hộ dân thuộc xã H, huyện H, Trương Văn H đã lợi dụng sơ hở trộm cắp 10kg tôm sú (loại 40 con/kg) của gia đình anh Cao Văn T và 10,9kg cua nước lợ, cua thương phẩm (kích thước mai từ 3cm đến 7cm/con) của gia đình anh Trương Văn T nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS, ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Tổng giá trị tài sản bị cáo Trương Văn H chiếm đoạt trị giá 5.724.000 đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Trương Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần phải có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt bị hại đã nhận được đầy đủ, sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn H 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Buộc bị cáo Trương Văn H chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 ,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Cơ quan điều tra Công an huyện H;*
- *Cơ quan THA HS huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Bị cáo, bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga